

Bản án số: 102/2023/HS-ST
Ngày: 11-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Quang Nhuận.

Ông Sùng A Xà.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Vì Thị Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 8 năm 2023, Quyết định bổ sung quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HS, ngày 31/8/2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 113/TB-TA, ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với bị cáo:

Phạm Văn K (tên gọi khác: không), sinh ngày 02 tháng 01 năm: 1986, tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nơi tạm trú và nơi ở trước khi bị bắt: Số nhà 175, tổ 3, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Kh, sinh năm: 1960 và bà Đào Thị L (đã chết); vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và năm 2021 bị Công an thành phố P xử phạt 750.000 đồng về hành vi gây mất trật tự nơi công cộng; Bị cáo bị tạm giữ ngày 24/4/2023, tạm giam từ ngày 28/4/2023 cho đến ngày 17/5/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Lò Văn H, sinh năm: 1989; địa chỉ: bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Quàng Văn C, sinh năm: 1996; địa chỉ: bản P, xã N, thành phố P,

tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

+ Chị Lò Thị H, sinh năm: 1981; địa chỉ: bản Ph, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Phạm Văn Khuê, sinh ngày: 14/5/1960; địa chỉ: thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình, vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Lò Thị P, sinh ngày: 10/01/1959; địa chỉ: bản P, phường N, thành phố P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị Lò Thị Q, sinh ngày: 29/3/1991; địa chỉ: bản O, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lúc tuyên án.

+ Anh Lò Văn D, sinh ngày: 23/8/1980; địa chỉ: bản O, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

+ Chị Vì Thị N, sinh ngày: 08/4/1983; địa chỉ: bản O, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: chị Quàng Thị H, sinh năm: 1990; địa chỉ: bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/8/2021, bị cáo Phạm Văn K cho anh Lò Văn H vay số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), hai bên lập giấy vay tiền không ghi lãi suất mà thỏa thuận bằng lời nói với mức lãi suất là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*)/01 tháng, anh H cầm cố các giấy tờ gồm: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn H và 01 (một) sổ hộ chiếu mang tên Lò Văn H. Từ ngày 31/8/2021 đến ngày 31/12/2021, anh H đã nhiều lần trả tiền lãi trực tiếp cho bị cáo K với số tiền lãi là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Đầu tháng 4/2023, bị cáo K liên lạc với anh H, anh H hẹn sẽ bán đất để trả hết nợ. Khoảng 01 tuần sau, anh H hỏi mượn lại giấy tờ đất để người mua xem nhưng bị cáo K không đồng ý; bị cáo K yêu cầu anh H đưa người mua đến gặp bị cáo. Ngày 21/4/2023, anh H và anh Quàng Văn C đến gặp bị cáo K để xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; anh C đồng ý mua đất và sẽ đặt cọc trước 100.000.000 đồng, hẹn 01 tuần sau sẽ gặp bị cáo K để lấy giấy tờ đất. Anh H hỏi bị cáo K tiền gốc, tiền lãi, bị cáo K tính lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 21/4/2023 là 15 tháng 21 ngày nhưng tính tròn là 12 tháng và thông nhất trả 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) trong đó 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu*) tiền gốc và 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*) tiền lãi. Khoảng 18 giờ, ngày 24/4/2023, anh H cùng với anh Quàng Văn C đến gặp bị cáo K tại quán bi a C thuộc tổ 2, phường M, thành phố P để trả tiền gốc, tiền lãi và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng sổ hộ chiếu. Khi anh H đưa cho bị cáo K số tiền gốc và tiền lãi là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), bị cáo K đưa giấy vay tiền cho anh H xem rồi xé và vứt bỏ ra bên ngoài, bị cáo

K định cầm tiền ra xe ô tô để cất thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Bị cáo Phạm Văn K đã lấy 16 tháng tiền lãi của anh H với số tiền 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*), theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, mức lãi suất cao nhất bị cáo Phạm Văn K được thu là $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 16 \text{ tháng} \times 25.000.000 \text{ đồng} = 6.666.666 \text{ đồng}$ (*Sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), bị cáo K đã thu lợi bất chính 68.333.334 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng*).

Ngoài ra, ngày 10/4/2022, bị cáo Phạm Văn K cho chị Lò Thị Hg vay 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) với lãi suất là 2.700.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*)/01 tháng; sau khi viết xong giấy vay tiền bị cáo K chuyển tiền vào tài khoản của chị H. Ngày 10/5/2022, chị H đến nhà bị cáo K trả tiền lãi 01 tháng là 2.700.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) và tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Bị cáo K và chị H thống nhất cộng 02 khoản vay là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) với mức lãi suất là 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*)/01 tháng. Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 20/9/2022 chị H đã trả cho bị cáo K 32.400.000 đồng (*Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền lãi của 04 tháng.

Ngày 26/5/2022, chị H đưa em họ tên là Quảng Thị H đến gặp bị cáo K, chị H đứng tên vay hộ chị H số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) với lãi suất là 5.400.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*)/01 tháng. Sau khi viết xong giấy vay tiền, bị cáo K chuyển 19.900.000 đồng (*Mười chín triệu chín trăm nghìn đồng*) vào tài khoản của chị H và đưa tiền mặt là 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*). Từ ngày 26/5/2022 đến ngày 16/9/2022, chị H đã trả cho bị cáo K 19.800.000 đồng (*Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền lãi của 114 ngày bằng hình thức trực tiếp và chuyển khoản.

Ngày 06/11/2022, bị cáo K đến nhà chị H chốt lãi 02 khoản vay: đối với khoản vay 30.000.000 đồng tính lãi 02 tháng là 16.200.000 đồng; đối với khoản vay 20.000.000 đồng (chị H đứng tên vay hộ) tính lãi 01 tháng 20 ngày là 9.000.000 đồng; tổng 02 khoản bị cáo K lấy 20.000.000 đồng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 10/11/2022, chị H chuyển khoản 18.000.000 đồng vào tài khoản của ông Phạm Văn Kh (số tài khoản do bị cáo K cung cấp cho chị H); do trước đó chị H đã trả cho bị cáo K tiền mặt là 2.000.000 đồng.

Tính từ ngày 10/4/2022 đến ngày 10/11/2022, bị cáo K đã nhận được tổng số tiền lãi do chị Lò Thị H trả là 74.900.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*). Mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự mà bị cáo K được lấy bao gồm:

- (1) Lãi của khoản vay 10.000.000 đồng: $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 01 \text{ tháng} \times 10.000.000 \text{ đồng} = 166.666 \text{ đồng}$;
- (2) Lãi của khoản vay 30.000.000 đồng: $(20\% : 12 \text{ tháng}) \times 06 \text{ tháng} \times 30.000.000 \text{ đồng} = 3.000.000 \text{ đồng}$;

- (3) Lãi của khoản vay 20.000.000 đồng: $(20\% : 365 \text{ ngày}) \times 164 \text{ ngày} \times 20.000.000 \text{ đồng} = 1.797.260 \text{ đồng}$

Tổng cộng: $(1) + (2) + (3) = 4.963.926 \text{ đồng}$ (*Bốn triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng*), bị cáo K thu lợi bất chính 69.936.074 đồng (*Sáu mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng*).

Tại bản Kết luận giám định số: 902/KL-KTHS ngày 12/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Chữ viết trên hai tờ giấy có dòng kẻ ngang nhân hiệu Hải Tiến, ký hiệu A1, A2 với chữ viết đứng tên Phạm Văn K trên “BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH” đề ngày 22 tháng 5 năm 2023, ký hiệu M là do một người viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số: 820/KL-KTHS ngày 31/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận số tiền gửi giám định 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*) và số tiền: 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*) là tiền thật.

Bản Cáo trạng số: 10/CT-VKS-P2 ngày 26/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Phạm Văn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau: tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn K 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng đề nghị áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau: trả lại cho anh Lò Văn H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn H và 01 Hộ chiếu mang tên Lò Văn H; trả lại cho Vì Thị N 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Vì Thị N; trả lại cho Lò Văn D 01 căn cước công dân mang tên Lò Văn D; trả lại cho Quàng Thị H 01 căn cước công dân mang tên Quàng Thị H; trả lại cho Lò Thị Ph 01 căn cước công dân mang tên Lò Thị Ph; trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị Q cho Lò Thị Q; trả lại 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lê Thị Thanh N cho Lê Thị Thanh N. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno7 5 G thu giữ của Phạm Văn K; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11 thu giữ của Phạm Văn K. Ghi nhận bị cáo Phạm Văn K tự nguyện nộp số tiền 75 triệu đồng và 11.630.592 đồng sung ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo trả lại cho anh Lò Văn H số tiền 68.333.334 đồng nhưng đối trừ với số tiền 80 triệu đồng đã trả cho anh Cường; anh H còn phải trả cho bị cáo

K số tiền 11.666.666 đồng (*Mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*); buộc bị cáo K trả lại cho chị H số tiền: 69.911.113 đồng.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì màu trắng trên mặt sau có chữ viết tay nội dung “Lò Văn H . 25”, “31/08 -> 31/09”.

Lưu theo hồ sơ vụ án: 38 (ba tám) mảnh giấy nhỏ có kích thước, hình dạng khác nhau có chữ và số, khi ghép các mảnh giấy khớp lại với nhau thành một tờ giấy kích thước A4, nội dung là Giấy vay tiền mặt ngày 31/8/2021, người vay Lò Văn H, người cho vay Phạm Văn K, số tiền vay 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng);

Trả lại cho bị cáo K: 01 (một) giấy vay tiền mặt mang tên Lò Văn D; 01 (một) giấy vay tiền mặt mang tên Tông Văn T; 01 (một) giấy vay tiền viết tay mang tên Lò Thị Ph vay tiền của ông Phạm Văn K; 06 (sáu) tờ giấy vay tiền mang tên: Ngô Thị G, Hoàng Thu H, Lê Thị T, Tạ Thị T, Lò Thị D.

Về án phí, căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lò Văn H trình bày tại cơ quan điều tra: ngày 31/8/2021, anh Lò Văn H vay số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) của Phạm Văn K để trang trải cuộc sống, hai bên lập giấy vay tiền không ghi lãi suất mà thỏa thuận bằng lời nói với mức lãi suất là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*)/01 tháng, anh H cầm cố 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn H và 01 (một) sổ hộ chiếu mang tên Lò Văn H. Từ ngày 31/8/2021 đến ngày 31/12/2021, anh H đã trả 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền lãi cho K; sau đó do khó khăn nên anh H không liên lạc và trả lãi được. Đến đầu tháng 4/2023, K liên lạc với anh H, anh H hẹn sẽ bán đất để trả hết nợ. Khoảng 01 tuần sau, anh H hỏi K mượn lại giấy tờ đất cho người mua xem nhưng K yêu cầu anh H đưa người mua đến gặp K để xem. Ngày 21/4/2023, anh H và anh Quảng Văn C đến gặp K để xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; anh C đồng ý mua đất và sẽ đặt cọc trước 100.000.000 đồng, hẹn 01 tuần nữa sẽ gặp K để lấy giấy tờ đất; anh H hỏi tiền gốc, tiền lãi, K tính lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 21/4/2023 là 15 tháng 21 ngày nhưng chỉ tính tròn là 12 tháng và thông nhất trả 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) trong đó 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu*) tiền gốc và 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*) tiền lãi (K tính 12 tháng X 05 triệu/01 tháng là 60 triệu, nhưng giảm 05 triệu chỉ lấy 55 triệu). Khoảng 18 giờ, ngày 24/4/2023, anh H cùng với anh Quảng Văn C đến gặp K tại quán bi a Cầu T thuộc tổ 2, phường M, thành phố P để trả tiền gốc, tiền lãi và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng sổ hộ chiếu. Anh H đưa cho K số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), K đưa giấy vay tiền cho anh H xem rồi xé và vứt bỏ ra bên ngoài, khi K định cầm tiền đi để cất thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Việc Công an lập biên bản và thu giữ các đồ vật hoàn toàn khách quan. Anh H đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hộ chiếu mang tên Lò Văn H cho anh; còn các vấn đề khác đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lò Thị H trình bày: **Lần 1:** ngày 10/4/2022, chị Lò Thị H vay 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) của Phạm Văn K với lãi suất là 2.700.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*)/01 tháng; sau khi chị H viết xong giấy vay tiền, K chuyển 10 triệu đồng vào tài khoản số 36010000637448 mở tại Ngân hàng BIDV của chị H. **Lần 2:** ngày 10/5/2022, chị H đến nhà K trả tiền lãi tháng 04 của khoản vay 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) là 2.700.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) và tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). K và chị H thống nhất cộng 02 khoản vay là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) với mức lãi suất là 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*)/01 tháng. Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 20/9/2022 (04 tháng X 8,1 triệu) chị H đã trả cho K 32.400.000 đồng (*Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền lãi. **Lần 3:** ngày 26/5/2022, chị H đưa em họ tên là Quảng Thị H đến gặp K, chị H đứng tên vay hộ chị H số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) với lãi suất là 5.400.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*)/01 tháng. K chuyển 19.900.000 đồng (*Mười chín triệu chín trăm nghìn đồng*) vào tài khoản của chị H và đưa tiền mặt là 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*). Từ ngày 26/5/2022 đến ngày 16/9/2022, chị H đã trả cho K 19.800.000 đồng (*Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền lãi bằng hình thức trực tiếp và chuyển khoản.

Ngày 06/11/2022, K đến nhà chị H chốt lãi 02 khoản vay: đối với khoản vay 30.000.000 đồng tính lãi 02 tháng là 16.200.000 đồng; đối với khoản vay 20.000.000 đồng (chị H đứng tên vay hộ) tính lãi 01 tháng 20 ngày là 9.000.000 đồng; tổng 02 khoản K lấy tròn 20.000.000 đồng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc; nhưng trước đó chị H đã trả 2.000.000 đồng tiền lãi cho K nên chị H chỉ còn phải trả 18.000.000 đồng. Ngày 10/11/2022, chị H chuyển khoản 18.000.000 đồng vào tài khoản số 36010000812096 mang tên Phạm Văn Kh (do K gửi tin nhắn chị H). Tính từ ngày 10/4/2022 đến ngày 10/11/2022, chị H đã trả cho K tổng số tiền lãi là 74.900.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*). Chị H đề nghị làm rõ và xử lý nghiêm đối với hành vi cho vay lãi nặng của Phạm Văn K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Quảng Văn C trình bày: ngày 20/4/2023, anh C hỏi mua đất của anh Lò Văn H. Anh H nói còn nợ 80.000.000 đồng của một người đàn ông ở thành phố P. Anh C và anh H thỏa thuận: anh C mua mảnh đất của anh H với giá 300.000.000 đồng, anh C đưa trước 100.000.000 đồng đặt cọc, sau khi làm thủ tục sang tên xong thì anh C trả hết số tiền còn lại. Khoảng 18 giờ ngày 24/4/2023, anh C và anh H đến gặp K tại quán bi a Cầu T thuộc tổ 2, phường M, thành phố P, anh H bảo K mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra để anh H chuộc lại, bán đất lấy tiền trả nợ; sau khi kiểm tra thông tin trong giấy chứng nhận, anh C đưa cho anh H 100.000.000 đồng tiền cọc, anh H nhận tiền và đưa cho K 80.000.000 đồng, K nhận tiền xong và đưa trả giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H, K cầm tiền và xé tờ giấy vay tiền vớt đi thì Công an vào kiểm tra và phát hiện hành vi cho vay lãi nặng của K. Việc Công an lập biên bản và thu giữ các đồ vật hoàn toàn khách quan. Ngày 13/7/2023, anh C đã nhận lại số tiền 80.000.000 đồng, anh không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn Kh trình bày tại cơ quan điều tra: tháng 9/2022 ông Kh mở tài khoản số 36010000812096 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh tỉnh Điện Biên. Sau đó có vài lần ông Kh cho con trai là Phạm Văn K sử dụng số tài khoản để cho người khác chuyển tiền vào, thường số tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Khoảng tháng 11/2022, K nói nhờ số tài khoản của ông Kh cho người khác chuyển 18.000.000 đồng vào, sau đó ông Kh đã rút ra đưa cho K. Ông Kh không biết nguồn gốc tiền và mục đích chuyển vào để làm gì.

Người làm chứng Quàng Thị H trình bày tại cơ quan điều tra: ngày 26/5/2023, chị H được chị họ là Lò Thị H nhờ đứng tên vay tiền hộ. Chị H đưa chị H đến nhà Phạm Văn K, sau khi ký vào giấy vay tiền và để lại 01 căn cước công dân mang tên chị H, K chuyển 19.900.000 đồng vào số tài khoản của chị Lò Thị H và đưa 100.000 đồng tiền mặt cho chị H; khoản vay này lãi suất là 5.400.000 đồng/ 01 tháng. Việc trả lãi như thế nào chị H không biết vì do chị H trả lãi.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lò Thị Q, chị Vì Thị N, anh Lò Văn D, anh Tông Văn T, chị Lò Thị Ph, chị Lê Thị T, chị Khương Bích T, chị Hoàng Thị H, chị Tạ Thị T đều trình bày tại cơ quan điều tra: các anh, chị vay tiền của Phạm Văn K, với mức lãi suất từ 1.000 đồng (*Một nghìn đồng*) đến 2.000 đồng (*Hai nghìn đồng*)/01 triệu/01 ngày.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh cũng như về hình phạt. Tại phần tranh luận Kiểm sát viên và bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận đối đáp gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Địa điểm ban đầu xảy ra tội phạm là thành phố P, tỉnh Điện Biên, do hành vi phạm tội xảy ra trên nhiều địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên tiến hành điều tra là đúng thẩm quyền theo khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 163 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

[2] Về hành vi phạm tội:

Quá trình thẩm tra các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định được như sau:

Trong thời gian từ ngày 31/8/2021 đến ngày 24/4/2023, bị cáo Phạm Văn K cho anh Lò Văn H vay số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) thu được số tiền lãi 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) và cho chị Lò Thị H vay số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) thu được số tiền lãi 74.900.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*). Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01-04); biên bản khám xét, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 05-06; 08-28); biên bản kiểm tra điện thoại (BL 173-188); biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn H, chị Lò Thị H, anh Quàng Văn C, người làm chứng chị Quàng Thị H và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để xác định nhằm thu lợi bất chính trong giao dịch dân sự, bị cáo Phạm Văn K đã cho anh Lò Văn H vay 25.000.000 đồng và cho chị Lò Thị H vay 50.000.000 đồng với mức lãi suất theo năm từ 225% đến 324%/01 năm, gấp từ 11, 25 đến 16,2 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; số tiền lãi bị cáo Phạm Văn K thu được của cả anh Lò Văn H và chị Lò Thị H là 149.900.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng*), số tiền lãi bị cáo được phép thu là 11.630.592 đồng; bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 138.269.408 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm linh tám đồng*). Hành vi của bị cáo Phạm Văn K gây nguy hiểm cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 26/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình Nhà nước nghiêm cấm. Hành vi của bị cáo xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước hoạt động tín dụng. Bị cáo biết rõ việc Nhà nước cấm tất cả các hành vi cho vay với lãi suất cao gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, nhưng nhằm thu lợi bất chính, bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Phạm Văn K sinh ra trong gia đình làm nông nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình; bản thân được học tập văn hóa đến lớp 9/12 thì nghỉ học. Bị cáo không có tiền án, về tiền sự: năm 2021 bị Công an thành phố P xử phạt 750.000 đồng về hành vi gây mất trật tự nơi công cộng, bị cáo đã nộp phạt xong, tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo đã được xóa tiền sự; bị cáo 02 lần cho vay lãi nặng mà số tiền thu lợi bất chính của mỗi lần phạm tội từ 30.000.000 đồng trở lên, do đó bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1

Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bác ruột là liệt sĩ Phạm Văn Kiệm, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5] Về hình phạt chính:

Tình hình tội phạm cho vay lãi nặng trên địa bàn tỉnh Điện Biên nói riêng và cả nước nói chung ngày càng diễn biến phức tạp, do đó cần xử lý nghiêm đối với các loại tội phạm này. Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; quá trình sinh sống, cư trú tại địa phương gia đình và bị cáo đã chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ biên bản xác minh tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, ngoài hình phạt chính là phạt tù, bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Về khoản tiền thu lợi bất chính của bị cáo: áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử lý như sau:

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Ghi nhận bị cáo Phạm Văn K tự nguyện nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) là khoản tiền bị cáo dùng để cho vay. Bị cáo Phạm Văn K có quyền yêu cầu anh Lò Văn H và chị Lò Thị H hoàn trả cho bị cáo như sau: anh Lò Văn H trả 25.000.000 đồng; chị Lò Thị H trả 50.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn K phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là: 11.630.592 đồng (*Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm chín mươi hai đồng*)

* Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Lò Văn H và chị Lò Thị H số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu, cụ thể như sau:

- Trả lại cho anh Lò Văn H: 68.333.334 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng*) đối trừ với số tiền 80.000.000 đồng đã trả

cho anh Quảng Văn C, anh Lò Văn H còn phải hoàn trả lại cho bị cáo Phạm Văn K là: 11.666.666 đồng (*Mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

- Trả lại cho chị Lò Thị H: 69.936.074 đồng (*Sáu mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng*).

[8] Về vật chứng của vụ án: cần áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

- Trả lại cho anh Lò Văn H các vật sau: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên Lò Văn H, năm sinh: 1989, số CMND: 040409403, số vào sổ GCN: CH02194 và 01 (một) sổ hộ chiếu, số C3238500, mang tên Lò Văn H.

- Trả lại cho chị Vi Thị N các vật sau: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số: 111052001823, mang tên Vi Thị N; 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số: 111052001823, mang tên Vi Thị N.

- Trả lại cho anh Lò Văn D: 01 (một) căn cước công dân số: 011080005479, mang tên Lò Văn D;

- Trả lại cho chị Quảng Thị H: 01 (một) căn cước công dân số: 011190006748, mang tên Quảng Thị H;

- Trả lại cho chị Lò Thị Ph: 01 (một) căn cước công dân, số: 012159000056, mang tên Lò Thị Ph;

- Trả lại cho chị Lò Thị Q: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị Q;

- Trả lại cho chị Lê Thị Thanh N: 01 (một) sổ hộ khẩu số: 180019050, mang tên chủ hộ Lê Thị Thanh N.

* Đối với các vật chứng, bao gồm:

- 01 (một) phong bì màu trắng trên mặt sau có chữ viết tay nội dung “Lò Văn H. 25”, “31/08 -> 31/09”.

- 38 (ba tám) mảnh giấy nhỏ có kích thước, hình dạng khác nhau có chữ và số, khi ghép các mảnh giấy khớp lại với nhau thành một tờ giấy kích thước A4, nội dung là Giấy vay tiền mặt ngày 31/8/2021, người vay Lò Văn H, người cho vay Phạm Văn K, số tiền vay 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng).

- 01 (một) giấy vay tiền mặt mang tên Lò Văn D;

- 01 (một) giấy vay tiền mặt mang tên Tòng Văn T.

- 01 (một) giấy vay tiền viết tay mang tên Lò Thị Ph vay tiền của ông Phạm Văn K.

- 06 (sáu) tờ giấy vay tiền mang tên: Ngô Thị G, Hoàng Thu H, Lê Thị T, Tạ Thị T, Lò Thị D.

Đây là vật chứng nhưng cũng là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên cần được lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11, có số IMEI1: 353279119095969; IMEI2: 3532800119095967, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Phạm Văn K, quá trình tố tụng đã làm rõ không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo K.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu OPPO Reno7 5G, có số IMEI1: 867226058083158; IMEI2: 867226058083141, đã qua sử dụng, bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành: 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), được niêm phong bằng phong bì niêm phong màu vàng, mặt trước phong bì có dán mảnh giấy trắng có chữ in nghiêng “*Hoàn trả mẫu vật giám định 80.000.000 đồng gồm 600 (Sáu trăm) tờ tiền vụ Phạm Văn K, sinh năm 1986, chỗ ở hiện tại: Tổ 3, Phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên, theo KLGĐ số 820/KL-KTHS ngày 31/5/2022*”, mặt sau trên mép dán phong bì niêm phong có chữ ký, ghi rõ họ và tên của Nguyễn Thế V, Nguyễn Thành Đ và 02 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên.

Về nguồn gốc khoản tiền 80.000.000 đồng bị thu giữ, Hội đồng xét xử xét thấy: ngày 24/4/2023, anh Lò Văn H nhận 100.000.000 đồng tiền đặt cọc của anh Quảng Văn C trong giao dịch dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng đất, kể từ thời điểm anh C giao tiền cho anh H thì số tiền đặt cọc thuộc sở hữu của anh H, anh H có toàn quyền định đoạt. Vì vậy, ngay sau khi nhận được tiền, anh Lò Văn H đã sử dụng 80.000.000 đồng để trả tiền nợ gốc 25.000.000 đồng và 55.000.000 đồng tiền lãi cho bị cáo K; nội dung này được anh H, anh C và bị cáo K thừa nhận; trường hợp có tranh chấp về tiền đặt cọc giữa anh H và anh C sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự riêng. Do đó, phải xác định đây là vật chứng của vụ án và cần phải xử lý theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngày 06/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên ra quyết định trả lại tài sản số 02/QĐ-VKS-P2, trả lại số tiền 80.000.000 đồng cho anh Quảng Văn C là chưa phù hợp với quy định về xử lý vật chứng của vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh C và bị cáo K đều thống nhất thỏa thuận: do không thực hiện được việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên bị cáo K đồng ý trả lại anh H số tiền 80.000.000 đồng để anh H trả lại cho anh C; nghĩa vụ hoàn trả số tiền thu lợi bất chính của bị cáo K đối với anh H sẽ được đối trừ khi có quyết định của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các bên là tự nguyện và đảm bảo việc thực hiện các biện pháp tư pháp, xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành là: 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*), được niêm phong bằng phong bì niêm phong màu vàng, mặt trước phong bì có dán mảnh giấy trắng có chữ in nghiêng “*Hoàn trả mẫu vật*

giám định 90.000.000 đồng gồm 260 (Hai trăm sáu mươi) tờ tiền vụ Phạm Văn K, sinh năm 1986, chỗ ở hiện tại: Tổ 3, Phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên, theo KLGĐ số 820/KL-KTHS ngày 31/5/2022”, mặt sau trên mép dán phong bì niêm phong có chữ ký, ghi rõ họ và tên của Nguyễn Thế V, Nguyễn Thành Đ và 02 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên thu giữ của bị cáo K không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với 02 khoản tiền: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) tạm giữ trong túi xách màu nâu để trên kệ ti vi tại nhà bị cáo K và Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành số tiền 46.050.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), tạm giữ trong túi xách màu xanh trong hòm tôn ở phòng ngủ tầng hai tại nhà bị cáo K.

Quá trình điều tra, xác minh làm rõ số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn K. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 21/QĐ-CSHS, ngày 08/5/2023 trả lại cho chị Nguyễn Thị H là vợ của bị cáo Phạm Văn K đúng quy định tại Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với 01 (một) chiếc xe ô tô Mitsubishi Xpander, biển kiểm soát: 27A-055.11 màu sơn đen, số máy: 4A91HH6168, số khung: NC1WKN009716, kèm theo 01 (một) chìa khóa.

Quá trình điều tra, xác minh làm rõ thuộc sở hữu hợp pháp của anh Phạm Văn Ph, sinh năm 1987, trú tại đội 18, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 27/QĐ-CSHS, ngày 09/6/2023 trả lại chiếc ô tô trên cho anh Phạm Văn Ph là đúng quy định tại Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với 02 (hai) thẻ Đảng viên mang tên Tòng Văn T và Vì Thị N: ngày 19/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 28/QĐ-CSHS và đã tiến hành bàn giao 02 (hai) thẻ Đảng viên mang tên Tòng Văn T và Vì Thị N cho Ủy ban kiểm tra Huyện ủy huyện Đ, là đúng quy định tại Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên phong tỏa số tiền 46.308.749 đồng (Bốn mươi sáu triệu ba trăm linh tám nghìn bảy trăm bốn chín đồng) trong tài khoản 36010000453839 mang tên Phạm Văn K mở tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên. Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 06 ngày 23/5/2023 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên, Hội đồng xét xử thấy, cần tiếp tục phong tỏa tài khoản để đảm bảo việc thi hành án.

[9] Các vấn đề khác của vụ án:

Quá trình tố tụng cũng xác định được bị cáo Phạm Văn K còn thực hiện

giao dịch dân sự cho vay tiền với Lò Thị Q, Vì Thị N, Lò Văn D, Tòng Văn T, Lê Thị Thanh N, Lù Thị Ph, Lê Thị T, Khương Bích T, Hoàng Thu H, Lù Thị D và Tạ Thị Tt. Tuy nhiên bị cáo K chỉ lấy lãi của các trường hợp trên với mức lãi suất từ 1.000 đồng (*Một nghìn đồng*) đến 2.000 đồng (*Hai nghìn đồng*)/01 triệu/01 ngày không vượt quá mức quy định trong Bộ luật Dân sự, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý, Hội đồng không đặt vấn đề xem xét.

[10] Về án phí:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Phạm Văn K (tên gọi khác: không) phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn K 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/9/2023).

Giao bị cáo Phạm Văn K cho UBND phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Phạm Văn K thay đổi nơi cư trú thì UBND phường M có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố P, tỉnh Điện Biên để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho UBND cấp xã, phường, thị trấn nơi bị cáo Phạm Văn K đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Gia đình của bị cáo Phạm Văn K có trách nhiệm phối hợp với UBND phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

Phạt tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) đối với bị cáo Phạm Văn K.

3. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

*** Tịch thu sung quỹ Nhà nước:**

- Ghi nhận bị cáo tự nguyện nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) là khoản tiền bị cáo dùng để cho vay. Bị cáo Phạm Văn K có quyền yêu cầu anh Lò Văn H và chị Lò Thị Hoàn trả cho bị cáo như sau: anh Lò Văn H trả 25.000.000 đồng; chị Lò Thị H trả 50.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách nhà nước tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là: 11.630.592 đồng (*Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm chín mươi hai đồng*).

* **Buộc bị cáo phải trả lại** cho anh Lò Văn H và chị Lò Thị H số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu, cụ thể như sau:

- Trả lại cho anh Lò Văn H: 68.333.334 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng*) trừ với số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) đã trả cho anh Quàng Văn C, anh Lò Văn H còn phải hoàn trả lại cho bị cáo Phạm Văn K là: 11.666.666 đồng (*Mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

- Trả lại cho chị Lò Thị Hương: 69.936.074 đồng (*Sáu mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng*).

4. Về vật chứng của vụ án: áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

* **Trả lại cho bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:**

- Trả lại cho anh Lò Văn H các vật sau: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên Lò Văn H, năm sinh: 1989, số CMND: 040409403, số vào sổ GCN: CH02194 và 01 (một) sổ hộ chiếu, số C3238500, mang tên Lò Văn H.

- Trả lại cho chị Vi Thị N các vật sau: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số: 111052001823, mang tên Vi Thị N; 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số: 111052001823, mang tên Vi Thị N.

- Trả lại cho anh Lò Văn D: 01 (một) căn cước công dân số: 011080005479, mang tên Lò Văn D;

- Trả lại cho chị Quàng Thị Hg: 01 (một) căn cước công dân số: 011190006748, mang tên Quàng Thị H;

- Trả lại cho chị Lò Thị Ph: 01 (một) căn cước công dân, số: 012159000056, mang tên Lò Thị Phở;

- Trả lại cho chị Lò Thị Q: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Thị Q;

- Trả lại cho chị Lê Thị Thanh Nh, địa chỉ cư trú: số nhà 09, tổ dân phố 2, phường Thanh Trường, thành phố P, tỉnh Điện Biên: 01 (một) sổ hộ khẩu số: 180019050, mang tên chủ hộ Lê Thị Thanh Nh.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã trích xuất vật chứng ra xem xét tại phiên tòa theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TA, do đó giao lại các vật chứng trên cho Cục thi hành án dân sự để thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn K: 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A11, có số IMEI1: 353279119095969; IMEL2: 3532800119095967 (màn hình bị vỡ), đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Phạm Văn K.

*** Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:** 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu OPPO Reno7 5G, có số IMEI1: 867226058083158; IMEL2: 867226058083141, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Phạm Văn K.

*** Đối với các vật chứng, bao gồm:**

- 01 (một) phong bì màu trắng trên mặt sau có chữ viết tay nội dung “Lò Văn Hn . 25”, “31/08 -> 31/09”.

- 38 (ba tám) mảnh giấy nhỏ có kích thước, hình dạng khác nhau có chữ và số, khi ghép các mảnh giấy khớp lại với nhau thành một tờ giấy kích thước A4, nội dung là Giấy vay tiền mặt ngày 31/8/2021, người vay Lò Văn H, người cho vay Phạm Văn K, số tiền vay 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng).

- 01 (một) giấy vay tiền mặt mang tên Lò Văn D;

- 01 (một) giấy vay tiền mặt mang tên Tòng Văn T.

- 01 (một) giấy vay tiền viết tay mang tên Lò Thị Ph vay tiền của ông Phạm Văn K.

- 06 (sáu) tờ giấy vay tiền mặt mang tên: Ngô Thị Gi, Hoàng Thu H, Lê Thị T, Tạ Thị Tt, Lù Thị D.

Đây là vật chứng của vụ án nhưng cũng là các tài liệu chứng cứ của vụ án cần được lưu theo hồ sơ vụ án.

* **Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án:** tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành là: 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*), được niêm phong bằng phong bì niêm phong màu vàng, mặt trước phong bì có dán mảnh giấy trắng có chữ in nghiêng “*Hoàn trả mẫu vật giám định 90.000.000 đồng gồm 260 (Hai trăm sáu mươi) tờ tiền vụ Phạm Văn K, sinh năm 1986, chỗ ở hiện tại: Tổ 3, Phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên, theo KLGĐ số 820/KL-KTHS ngày 31/5/2022*”, mặt sau trên mép dán phong bì niêm phong có chữ ký, ghi rõ họ và tên của Nguyễn Thế V, Nguyễn Thành Đt và 02 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên thu giữ của bị cáo K.

(*Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 27 tháng 7 năm 2023*).

* Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 129 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tiếp tục áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản số 36010000453839 mang tên Phạm Văn K mở tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên, trong tài khoản có số tiền 46.308.749 đồng (*Bốn mươi sáu triệu ba trăm linh tám nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng*) để đảm bảo việc thi hành án.

5. Về án phí: áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Phạm Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Văn D, chị Lò Thị H, anh Quàng Văn C, có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/9/2023). Anh Lò Văn H, chị Vi Thị N, ông Phạm Văn Kh, chị Lù Thị Ph, chị Lò Thị Q có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Công an tỉnh Điện Biên (PC02);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại Tạm giam;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Cục thi hành án DS tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

- Lưu: HS, HCTP.

Nguyễn Thị Hòa

